THẺ TÍN DỤNG UOB ONE

CHƯƠNG TRÌNH HOÀN TIỀN CHO MỌI CHI TIÊU

Quý khách sẽ được hoàn tiền cho tất cả các giao dịch được đăng ký dưới các tên Nhà cung cấp và Mã ngành hàng (quy định bởi Các tổ chức phát hành thẻ). Chi tiết như sau:

- Mức hoàn tiền **10%** cho chi tiêu tại **Grab & các Phương tiện vận tải khác**.

Mã ngành hàng	Diễn giải
4121	Taxi/ Limousine
4789	Các loại phương tải khác

- Mức hoàn tiền **5%** cho chi tiêu trên các **Dịch vụ thanh toán định kỳ.**

Mã ngành hàng	Description
4899	Dịch vụ truyền hình và phát thanh
5815	Dịch vụ sách, phim ảnh, âm nhạc kỹ thuật số
5816	Dịch vụ trò chơi kỹ thuật số
5817	Dịch vụ ứng dụng kỹ thuật số
5818	Các dịch vụ kỹ thuật số khác
5968	Các dịch vụ thanh toán định kỳ

- Mức hoàn tiền **3%** cho chi tiêu **Bảo hiểm.**

Mã ngành hàng	Diễn giải
5960	Dịch vụ tiếp thị bảo hiểm trực tiếp
6300	Dịch vụ bảo hiểm, bảo lãnh phát hành và phí bảo hiểm

RESTRICTED

- Mức hoàn tiền **2%** cho chi tiêu **Mua sắm (tại các trung tâm thương mại và chuỗi cửa hàng thời trang).**

Mã ngành hàng	Diễn giải
5094	Cửa hàng đá quý và kim loại, đồng hồ và trang sức
5137	Cửa hàng quần áo nam nữ
5139	Cửa hàng giày dép nam nữ
5611	Cửa hàng quần áo và phụ kiện nam
5621	Cửa hàng quần áo may sẵn nữ
5631	Cửa hàng phụ kiện nữ
5641	Cửa hàng quần áo trẻ em
5651	Cửa hàng quần áo gia đình
5655	Cửa hàng quần áo thể thao
5661	Cửa hàng giày dép nam nữ
5681	Cửa hàng đồ da
5691	Cửa hàng quần áo nam nữ
5697	Cửa hàng may đo
5698	Cửa hàng tóc giả
5699	Cửa hàng quần áo và phụ kiện
5941	Cửa hàng thể thao
5944	Cửa hàng trang sức, đồng hồ và đồ bạc
5948	Cửa hàng đồ da
5949	Cửa hàng may, kim và vải
7251	Cửa hàng sửa chữa, tiệm đánh giày
7296	Cửa hàng cho thuê quần áo
7631	Cửa hàng sửa chữa đồng hồ và trang sức
5311	Trung tâm thương mại

RESTRICTED

- Mức hoàn tiền **0,3%** cho tất cả các giao dịch thuộc các Mã ngành hàng khác.

- Danh mục chi tiêu tùy thuộc vào Bên bán hàng đăng ký Mã ngành hàng với Các tổ chức phát hành thẻ và ngân hàng của Bên bán. Các tổ chức phát hành thẻ và/hoặc Bên bán hàng và/hoặc ngân hàng của Bên bán có thể thay đổi Mã ngành hàng đăng ký tùy theo quyết định của họ. Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) ("**UOBV**") không chịu trách nhiệm trong trường hợp Mã ngành hàng được đăng ký không phù hợp với loại hình kinh doanh.
- Số tiền hoàn lại được tích lũy tối đa 600.000 VND/kỳ sao kê tháng cho các Danh mục chi tiêu tại Grab & các Phương tiện vận tải khác; Dịch vụ thanh toán định kỳ; Mua sắm; Bảo hiểm.
- Hoàn tiền không giới hạn cho các Danh mục chi tiêu khác ngoài các danh mục kể trên.
- UOBV có thể thay đổi Chương trình Điểm Thưởng mà không cần báo trước.
- Điểm Thưởng chỉ được ghi nhận khi giao dịch được kết chuyển thành công về hệ thống của UOBV.

UOB ONE CREDIT CARD

CASH BACK PROGRAM

You will get cash back on all your spend that registered under the below Merchant Names & Merchant Category Codes (MCCs) defined by Card Associations. Details as below

- Get 10% cash back on **Grab transactions & other Land Transportation:**

MCC	Description
4121	Taxicabs/ Limousines
4789	Transportation SVCS – Default

- Get 5% cash back on **Recurring Subscriptions:**

MCC	Description
4899	Cable, Sat, Pay TV/radio SVCS
5815	Digital Goods Books Movie Music
5816	Digital Goods Games
5817	Digital Goods App (excl Games)
5818	Large Digital Goods Merchant
5968	Continuity/Subscription Merchant

- Get 3% cash back on **Insurance:**

MCC	Description
5960	Direct Marketing Insurance Services
6300	Insurance Sales, Underwriting and Premiums

RESTRICTED

- Get 2% cash back on **Shopping transactions (at Department stores and Fashion chains)**

MCC	Description
5094	Precious Stones and Metals, Watches and Jewelry
5137	Men's, Women's and Children's Uniforms and Commercial Clothing
5139	Commercial Footwear
5611	Men's and Boys' Clothing and Accessories Stores
5621	Women's Ready to Wear Stores
5631	Women's Accessory and Specialty Stores
5641	Children's and Infants' Wear Stores
5651	Family Clothing Stores
5655	Sports Apparel, and Riding Apparel Stores
5661	Shoe Stores
5681	Furriers and Fur Shops
5691	Men's and Women's Clothing Stores
5697	Alterations, Mending, Seamstresses, Tailors
5698	Wig and Toupee Shops
5699	Accessory and Apparel Stores–Miscellaneous
5941	Sporting Goods Stores
5944	Clock, Jewelry, Watch and Silverware Stores
5948	Leather Goods and Luggage Stores
5949	Fabric, Needlework, Piece Goods and Sewing Stores
7251	Hat Cleaning Shops, Shoe Repair Shops, Shoe Shine Parlors
7296	Clothing Rental–Costumes, Uniforms and Formal Wear
7631	Clock, Jewelry and Watch Repair Shops
5311	Department Stores

- Get **0.3%** cash back on all other transactions.

- Spend Categories depend on the MCCs that the Merchants registered with the Card Associations and the Merchant banks. MCCs may change without prior notice if Card Associations and/or the Merchants and/or the Merchant Banks decide to change them. The issuing bank holds no responsibility should the MCCs are inappropriately registered with Merchants' business.
- Maximum cash back earned VND 600,000 per statement month for the categories include Grab & Land Transportation; Recurring Subscriptions; Shopping; Insurance.
- Earn unlimited cash back for other categories that not listed as above.
- United Overseas Bank (Vietnam) Limited ("**UOBV**") reserved the right to change Rewards Program without prior notice.
- Points are credited only when the transactions are settled successfully on UOBV's system.